

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Y  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 5 - 2022.

(V/v: Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình)

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Lê Thị Nhung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Nguyễn Hữu Tường - bà Đồng Thị Lý

**- Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Bá Kiên - Chức vụ: Thư ký tòa án nhân dân huyện Y - tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:**

Không tham gia

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án “Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình” thụ lý số: 338/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐST - HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2022/QĐST - DS ngày 26 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trần Thị T - sinh năm 1993. *(có mặt)*

ĐKHTT: xóm T, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Nơi ở hiện tại: Xóm 1, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Chị Hồ Thị Hồng Ngọc - Luật sư thuộc văn phòng luật sư Vinh Diệm và Cộng Sự. Địa chỉ: Phòng 301 Tòa nhà Yên Hoà, số 9A, đường Nguyễn Trãi, phường Quán Bàu, thành phố Vinh. *(Có mặt)*.

**- Bị đơn:** Anh Đặng Minh Đ - sinh năm 1986. *(vắng mặt lần thứ 2)*

Địa chỉ cư trú: xóm T, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:* Chị và anh Đặng Minh Đ kết hôn vào ngày 13/02/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết

hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm với nhau về mọi vấn đề trong cuộc sống dẫn đến xích mích, cãi vã. Mâu thuẫn âm ỉ xảy ra đã lâu (2 năm) nhưng vì chị cố gắng nhẫn nhịn cho chồng con tuy nhiên vẫn không cải thiện được, mâu thuẫn trầm trọng nhất xảy ra được 3 tháng gần đây dẫn đến 2 bên sống ly thân không còn quan tâm, trách nhiệm với nhau nữa. Sau khi mâu thuẫn xảy ra thì vợ chồng đã được gia đình và ban xóm đã hòa giải nhiều lần, tuy nhiên vẫn không thành. Chị T xác định không còn tình cảm đối với anh Đ, 2 bên đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đặng Minh Nhật, sinh ngày 23/7/2015 và Đặng Minh H, sinh ngày 08/8/2017. Quá trình giải quyết chị T có nguyện vọng được nuôi hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con. Trường hợp không được nuôi cả hai con thì chị có nguyện vọng được nuôi cháu H, còn cháu Ngiao cho anh Đ nuôi dưỡng vì hiện tại cháu Ngang ở với anh Đ, cháu H thì đang ở với chị.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa bị đơn anh Đặng Minh Đ vắng mặt tuy nhiên ý kiến và nguyện vọng của anh Đ được thể hiện tại bản tự khai, biên bản hòa giải như sau.*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng như chị T đã trình bày. Anh Đ thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng đôi lúc có xảy ra xích mích, cãi vã vì do tính cách cũng như quan điểm hai vợ chồng không hợp nhau và cũng đã sống ly thân được một thời gian. Tuy nhiên theo anh mâu thuẫn giữa 2 bên chưa đến mức căng thẳng để ly hôn. Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị T, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung. Chị T xin ly hôn anh Đ không nhất trí.

- Về quan hệ con chung: Anh thống nhất như lời trình bày của chị T vợ chồng có 2 con chung. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn nguyện vọng của anh được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, nếu không được nuôi hai con thì anh có nguyện vọng được nuôi cháu Nhật, cháu H giao cho chị T nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản: Anh Đ không yêu cầu giải quyết.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Hồ Thị Hồng Ngọc phát biểu quan điểm:***

Đề nghị HĐXX áp dụng các quy định của pháp luật chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Sau khi nghe ý kiến trình bày của chị T tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**1. Về thủ tục tố tụng:** Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân & Gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Đ có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An được quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y. Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

**2. Về nội dung:**

[2.1] Về hôn nhân: Qua các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ cho thấy hôn nhân giữa chị T, anh Đ là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ theo quy định của pháp luật. Việc chị T đề nghị Tòa giải quyết ly hôn với anh Đ nhưng anh Đ không nhất trí vì cho rằng lý do xin ly hôn của chị T đưa ra anh cho rằng chưa đến mức trầm trọng, anh vẫn còn tình cảm với chị T nên anh không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên HĐXX căn cứ vào quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã thừa nhận 2 vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, hiện tại đã sống ly thân không còn có trách nhiệm gì với nhau mặt khác qua xác minh thực tế về tình trạng hôn nhân và con chung chưa thành niên thì nguyên nhân trên là có thật phù hợp với lời khai của nguyên đơn. Do đó chị T xin ly hôn là có căn cứ cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân & Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Đ.

[2.2] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn đều có nguyện vọng được nuôi cả 2 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Xét nguyện vọng được nuôi con là nguyện vọng hoàn toàn chính đáng của các bên đương sự thể hiện quyền, nghĩa vụ của các bên đương sự theo quy định, tuy nhiên nếu giao cả 2 con chung cho 1 bên nuôi dưỡng thì sẽ làm ảnh hưởng đến điều kiện kinh tế, thời gian chăm sóc con chung sẽ không được đảm bảo. Mặt khác hiện nay cháu H đang ở ổn định với chị T bên ngoại, cháu Cũng đang được anh Đ nuôi dưỡng ổn định. Do đó cần giữ nguyên hiện trạng về con chung tránh xáo trộn cuộc sống như sinh hoạt hàng ngày và việc học tập của con chung do đó cần tiếp tục giao con chung là Đặng Minh H cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành và giao con chung Đặng Minh N cho anh Đ chăm sóc nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật.

Các bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

[3] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

## QUYẾT ĐỊNH

*Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 227; khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;*

*Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn Nhân & Gia đình;*

*Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.*

**Xử:** Chấp yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T.

- **Về hôn nhân:** Cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Đặng Minh Đ.

- **Về con chung:** Tiếp tục giao cháu Đặng Minh H, sinh ngày 08/8/2017 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến lúc đủ 18 tuổi trưởng thành.

Tiếp tục giao cháu Đặng Minh Nhật, sinh ngày 23/7/2015 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến lúc đủ 18 tuổi trưởng thành.

Anh Đ, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Các bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

- **Án phí:** Buộc chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Án phí của chị T được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011179, ngày 22/3/2022. Chị T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày.

**THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nguyễn Hữu Tường    Đồng Thị Lý*

*Lê Thị Nhung*

**THÀNH VIÊN**  
**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN**  
**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Bá Tấn**

**Nguyễn Văn Dũng**

**Lê Thị Nhung**





